TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10-5-2022
V/v ly hôn và tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Quách Đình Hoằng
2. Ông Lương Văn Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 666/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1982.
Địa chỉ: 09 T N T, Tổ 05, phường H P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1976.
Địa chỉ: 09 T N T, Tổ 05, phường H P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn D tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc. Những năm gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc hay xảy ra tranh cãi. Do mâu thuẫn căng thẳng chị và anh D sống ly thân hơn 1 năm nay, không ai quan tâm và trách nhiệm gì với nhau. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã kéo dài và thực sự trầm trọng, tình cảm giữa

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn D.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Lê Văn D có ba con chung là Lê Quang H, sinh ngày 05/01/2001, Lê Nguyễn Yến N, sinh ngày 17/02/2006 và Lê Nguyễn Minh T, sinh ngày 20/5/2013. Ly hôn đối với con chung là Lê Quang H đã trưởng thành, tự lập riêng nên không đề cập đến việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung, đối với hai con chung là Lê Nguyễn Yến N và Lê Nguyễn Minh T vì các con đều có nguyện vọng được ở với anh Lê Văn D khi cha mẹ ly hôn nên chị tự nguyện giao anh Lê Văn D trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn, chị tự thỏa thuận với anh D, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

Đối với bị đơn là anh Lê Văn D: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Toà án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Lê Văn D đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà hôm nay, anh Lê Văn D tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng;

Về tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Đảm bảo theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án và hướng giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:*

Chị Nguyễn Thị Kim N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con với anh Lê Văn D theo quy định của pháp luật. Đơn khởi kiện của chị N được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý, xem xét. Anh Lê Văn D cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập anh Lê Văn D đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D đều không đến Tòa án làm việc và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh D vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Lê Văn D tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H P, thành phố P, tỉnh Gia Lai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 133 ngày 16 tháng 9 năm 2002. Vì vậy, hôn nhân giữa chị N và anh D là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N thì thấy rằng, trong thời gian chung sống giữa chị với anh D xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xảy ra cải vả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị và anh D sống ly thân hơn 1 năm nay, giữa chị và anh D không ai quan tâm và trách nhiệm gì với nhau.

Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng nhưng chị N vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn D. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản để chị N và anh D đến Tòa án tham gia hòa giải đoàn tụ nhưng anh D đều vắng mặt chứng tỏ anh D không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không. Như vậy, đã có đủ cơ sở để nhận định rằng, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn D là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung:

Trong thời kỳ hôn nhân chị Nguyễn Thị Kim N và anh Lê Văn D có ba con chung là Lê Quang H, sinh ngày 05/01/2001, Lê Nguyễn Yến N, sinh ngày 17/02/2006 và Lê Nguyễn Minh T, sinh ngày 20/5/2013. Ly hôn đối với con chung là Lê Quang H đã trưởng thành, tự lập riêng nên không đề cập đến việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung, đối với hai con chung là Lê Nguyễn Yến N và Lê Nguyễn Minh T vì các con đều có nguyện vọng được ở với anh Lê Văn D khi cha mẹ ly hôn nên chị tự nguyện giao anh Lê Văn D trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao hai con chung cho anh Dũng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung thành niên và có khả năng tự lập được.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không quyết định.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không quyết định.

[4] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Kim N là nguyên đơn, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 94, 144, 146, 147, 207, 227, 228, 235, 264, 266, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 24 và các điểm a, b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim N.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Lê Văn D.

- Về con chung: Giao con chung là Lê Nguyễn Yến N, sinh ngày 17/02/2006 và Lê Nguyễn Minh T, sinh ngày 20/5/2013 cho anh Lê Văn D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Thời gian giao nuôi con từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng

(*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001031 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. P;
- Chi cục THADS Tp P;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Hội Phú, TP P,
Tỉnh Gia Lai (Giấy CNKH số 133/2002
Đăng ký ngày 16/9/2002);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm